



bìng rén

病人

Noun · sick person

Example Sentences

yī shēng zhèng zài zhì liáo bìng rén

医生正在治疗病人。

The doctor is treating the patient.

yī shēng zhèng zài zhào gù nà wèi bìng rén

医生正在照顾那位病人。

The doctor is taking care of that patient.

hù shì xì xīn zhào gù bìng rén

护士细心照顾病人。

The nurse carefully takes care of the patient

Trace each character, then write the word on your own.

病	病	病	病	病	病	病	病	病	病	病
病	病									
人	人	人	人	人						